

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Các công bố trước đây về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường sắt có liên quan hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-BXD ngày 24 tháng 6 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của trung ương và địa phương				
1.	1.005126	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.	Cục Đường sắt Việt Nam; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	1.000294	Bãi bỏ đường ngang		
3.	1.005058	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang		
4.	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt		
5.	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt		
6.	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt		
7.	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt		
8.	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt		
9.	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt		

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc chủ quản lý, sử dụng đường ngang nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua môi trường điện tử hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang về cơ quan cấp giấy phép, cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường điện tử, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan đơn vị liên quan để lấy ý kiến:

- + Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;

- + Cục Đường bộ Việt Nam, cơ quan theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến đường bộ (nếu có liên quan).

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp không chấp thuận cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định.

- Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử) các tài liệu sau:

- + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
- + Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của đường ngang;
- + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của đường ngang đã được phê duyệt.
- + Phương án tổ chức thi công đường ngang và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc chủ đầu tư chấp thuận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức là chủ đầu tư dự án.
- Chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Theo quy định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
 - + Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.
 - + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.
- Cơ quan phối hợp: Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan), Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.
- Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đường sắt năm 2017.

- Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

1.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang:

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(2)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG NGANG

TẠI ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;**Căn cứ ...(5)...*

...(2)... đại diện bởi:; chức vụ:

Đề nghị được cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang với các nội dung như sau:

1. Mục đích:...

2. Thời gian sử dụng: (lâu dài có thời hạn, nếu có thời hạn ghi rõ thời hạn sử dụng là từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

3. Thuộc Dự án: ...(6)...

4. Địa điểm: ...(7)...

5. Mật độ người, xe dự tính ...(8)...

6. Cấp đường ngang

7. Các yếu tố kỹ thuật chủ yếu:

a) Đường sắt:

- Mặt bằng đường sắt ...(9) ...

- Trắc dọc đường sắt ...(10) ...

- Nền đường sắt ...(11)...

b) Đường bộ:

- Cấp đường bộ ...(12)...

- Mặt bằng đường bộ ...(13)...

- Trắc dọc đường bộ ...(14)...

- Nền đường bộ ...(15)...

c) Góc giao ...(16)...

8. Tầm nhìn:

- Cửa người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (lái xe) ...(17)...

- Cửa người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt (lái tàu) ...(18)...

9. Khoảng cách tới đường ngang gần nhất ...(19)...

- Phía gốc lý trình

- Phía đối diện

10. Hình thức tổ chức phòng vệ: (Có người gác, cảnh báo tự động)

11. Trang thiết bị phục vụ phòng vệ đường ngang: ...(20)...

12. Những vấn đề khác (nếu có).

...(2)... cam kết:

- Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, tổ chức phòng vệ (nếu có); giải phóng mặt bằng trong phạm vi hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang; đặt đầy đủ thiết bị hướng dẫn giao thông và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại vị trí này.

- Tự dỡ bỏ (đối với đường ngang khai thác, sử dụng có thời hạn) khi hết thời hạn sử dụng.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên, ...(2)... chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký
số của cơ quan, tổ chức)
Họ và tên

Nơi nhận:

- ...

- ...

- Lưu: ...

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đề nghị cấp giấy phép (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

(3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.

(4) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

(5) Văn bản chấp thuận cho phép xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên dự án đầu tư xây dựng công trình có đường ngang đề

ngiht cấp giấy phép.

- (7) Ghi rõ lý trình, tên tuyến đường sắt, thuộc địa phận xã, tỉnh.*
- (8) Ghi rõ mật độ người, xe dự tính qua đường ngang trong một ngày đêm sau khi xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo.*
- (9) Đường sắt thẳng hay cong (bán kính đường cong, hướng rẽ theo lý trình).*
- (10) Độ dốc (%) đường sắt, hướng dốc lên hay xuống tính theo lý trình.*
- (11) Chiều rộng nền đường sắt, loại nền đường đắp, đào hoặc không đào đắp, độ cao đắp hoặc độ sâu đào.*
- (12) Cấp đường bộ theo quy định trong TCVN 4054:2005 và TCVN 10380:2014.*
- (13) Chiều dài đoạn thẳng, bán kính cong của đường bộ từ mép ray trở ra mỗi phía.*
- (14) Độ dốc (%) đường bộ từ tim đường sắt (hoặc mép ray) trở ra mỗi phía.*
- (15) Chiều rộng nền đường bộ, loại nền đường đắp hay đào, độ cao nền đắp, độ sâu nền đào.*
- (16) Góc giao giữa đường bộ và đường sắt tính theo đơn vị độ.*
- (17) Tầm nhìn lái xe phụ thuộc cấp đường bộ, theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054-2005, nêu rõ đứng ở từng bên đường ngang nhìn về hai phía đường sắt.*
- (18) Người lái tàu có thể nhìn thấy đường ngang từ điểm cách xa đường ngang bao nhiêu mét về phía góc lý trình và phía đối diện.*
- (19) Nêu khoảng cách tới đường ngang gần nhất từ hai phía.*
- (20) Liệt kê trang thiết bị phục vụ phòng vệ của nhân viên gác đường ngang: Cờ đỏ, còi, pháo hiệu, đồng hồ và trang thiết bị khác tại nhà gác đường ngang, đối với đường ngang cảnh báo tự động không ghi mục này.*

b) Mẫu giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang:

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(2)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG NGANG)**

TẠI ...(3)...

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Căn cứ văn bản chấp thuận về chủ trương việc cho phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang số:/..... ngày...../...../20.... ;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang của...(4)... sốngày ... tháng năm 20....

Điều 1. Cấp cho:

- ...(4)...

- Người đại diện:; chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Điều 2. Nội dung cấp phép:

1. Cấp đường ngang:, hình thức tổ chức phòng vệ

2. Các yếu tố kỹ thuật chủ yếu của đường ngang:

- Góc giao cắt giữa đường sắt và đường bộ:

- Chiều rộng mặt đường ngang: m.

- Đường sắt tại đường ngang:

+ Bình diện:

+ Trắc dọc:

+ Kiến trúc tầng trên:

- Đường bộ tại đường ngang:

+ Bình diện:

+ Trắc dọc:

+ Kết cấu mặt đường:

- Loại chắn (nếu có)
- Hệ thống thông tin, tín hiệu đường ngang (nếu có)
- Hệ thống hàng rào, cọc tiêu, biển báo, vạch kẻ đường trên đường bộ,
.....
- Hệ thống thoát nước:
- Nhà gác chắn (nếu có):
- Các vấn đề khác:

Điều 3. Kinh phí tổ chức phòng vệ và quản lý, khai thác, bảo trì hàng năm do chi trả.

Điều 4. Sau khi hoàn thành việc thi công toàn bộ các hạng mục công trình, thiết bị đường ngang, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 5. Hiệu lực của giấy phép và thời gian thi công

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
2. Thời gian thi công công trình kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

- Như Điều.... ;
-
- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký
số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Hướng dẫn ghi trong Giấy phép:

- (1) Tên cơ quan cấp trên của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép (nếu có).
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.
- (3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.
- (4) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị cấp giấy phép.
- (5) Tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế.
- (6) Cơ quan phê duyệt hồ sơ thiết kế.

2. Bãi bỏ đường ngang

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc chủ quản lý, sử dụng đường ngang nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua môi trường điện tử hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang về cơ quan quyết định bãi bỏ đường ngang, cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị bãi bỏ đường ngang.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường điện tử, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan đơn vị liên quan để lấy ý kiến:

- + Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt quốc gia;

- + Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan) đối với đường ngang trên đường sắt chuyên dùng.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thẩm quyền bãi bỏ đường ngang có văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Quyết định bãi bỏ đường ngang được cấp theo mẫu quy định. Trường hợp không ban hành quyết định, cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ đường ngang có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang theo quy định.

- Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử) một trong các tài liệu sau:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình vào sử dụng đối với cầu vượt, hầm chui hoặc đường ngang khác để tổ chức giao thông thay thế cho đường ngang đề nghị bãi bỏ;

+ Phương án tổ chức giao thông thay thế khi bãi bỏ đường ngang.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức là chủ đầu tư dự án.

- Chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Theo quy định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.

- Cơ quan phối hợp: Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan quản lý đường bộ (nếu có liên quan), Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Quyết định bãi bỏ đường ngang.

2.8. Phí, lệ phí:

Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang.

- Quyết định bãi bỏ đường ngang.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đường sắt năm 2017.

- Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

2.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn đề nghị bãi bỏ đường ngang:

...(1)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ...(2)... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ ĐƯỜNG NGANG

TẠI ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29 /2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Căn cứ ... (5) ...

...(2)... đề nghị ...(4)... xem xét bãi bỏ đường ngang cấp ...(6)...; phòng vệ bằng...(7)...; giao cắt giữa đường sắt ...(8)...với đường bộ...(9)...

...(2)... cam kết bảo đảm nguồn kinh phí để tổ chức bãi bỏ và hoàn trả trạng thái ban đầu của đoạn đường sắt trong phạm vi đường ngang.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

- ...

- ...

- Lưu: ...

Họ và tên

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị:

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đề nghị bãi bỏ đường ngang.

(2) Tên tổ chức đề nghị bãi bỏ đường ngang.

(3) Địa danh, lý trình đường sắt, tên tuyến đường sắt.

(4) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định bãi bỏ.

(5) Nêu rõ lý do cần bãi bỏ.

(6) Ghi cấp đường ngang: cấp I, cấp II hoặc cấp III.

(7) Ghi hình thức tổ chức phòng vệ (có người gác; không có người gác: cảnh báo tự động; biển báo).

(8) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt (ví dụ km 5+750, tuyến đường sắt Gia Lâm - Hải Phòng).

(9) Tên tuyến đường bộ, ví dụ: quốc lộ số tỉnh lộ số liên xã nối xã với....đường công vụ.

b) Mẫu quyết định bãi bỏ đường ngang:

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(2)...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

V/v bãi bỏ đường ngang tại Km...(3)... tuyến đường sắt ...

...(2)...

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29 /2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Xét đề nghị của(4)..... ; .

Theo đề nghị của ông (bà),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ đường ngang tại Km...(3)..... tuyến đường sắt kể từ ngày ... tháng năm 20....

Lý do bãi bỏ: ...(5)...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Các ông (bà) ... và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều.... ;

-;

- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn ghi trong Quyết định

(1) Tên cơ quan cấp trên của cơ quan có thẩm quyền quyết định (nếu có).

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định bãi bỏ đường ngang.

(3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.

(4) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị bãi bỏ đường ngang.

(5) Ghi lý do bãi bỏ đường ngang.

3. Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án hoặc chủ quản lý, sử dụng đường ngang nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua môi trường điện tử hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang về cơ quan cấp giấy phép, cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền gia hạn giấy phép trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường điện tử, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền gia hạn giấy phép thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Quyết định gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang được cấp theo mẫu quy định. Trường hợp không ban hành quyết định, cơ quan có thẩm quyền gia hạn giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính; hoặc gửi trên môi trường mạng.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định.

- Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử):

- + Tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Tài liệu chứng minh lý do đề nghị gia hạn là một trong các tài liệu sau:

(1) Biên bản bàn giao mặt bằng thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang trong trường hợp vướng mắc về mặt bằng thi công;

(2) Biên bản xác nhận thiệt hại giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công đường ngang trong trường hợp sự cố, thiên tai làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang;

(3) Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư xây dựng công trình trong trường hợp việc điều chỉnh dự án làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức là chủ đầu tư dự án.
- Chủ quản lý, sử dụng đường ngang.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Theo quy định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường ngang công cộng trên đường sắt quốc gia do Bộ Xây dựng tổ chức quản lý, bảo trì.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường ngang chuyên dùng xây dựng trên đường sắt quốc gia, đường ngang công cộng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, bảo trì.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

3.8. Phí, lệ phí:

Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.
- Quyết định gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ đầu tư dự án phải thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang trong thời gian còn hiệu lực của giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

- Mỗi Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần và thời gian gia hạn không quá 12 tháng, đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt năm 2017.

- Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

3.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

a) Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG NGANG TẠI ...(3)...

Kính gửi: ...(4)...

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số ngày tháng năm của ...(4) ... cấp cho ...(2)...

...(2)... đề nghị được gia hạn thời gian xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang, với lý do...(5)...

...(2)... cam kết thực hiện theo đúng giấy phép được cấp, quyết định gia hạn giấy phép và quy định của pháp luật có liên quan.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Nơi nhận:

- ...

- ...

- Lưu: ...

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.

(3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.

(4) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định gia hạn giấy phép xây dựng đường ngang.

(5) Nêu lý do đề nghị gia hạn giấy phép.

b) Mẫu Quyết định gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn giấy phép xây dựng, đường ngang

...(2)...

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số ngày tháng năm của ... (4) ... cấp cho ... (2) ...

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang số ngày ... tháng năm 20... của ... (4) ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp, đường ngang ... (3) ... của ... (2) ... cấp cho (4) với nội dung:

- Gia hạn thời gian thi công xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang đến ngày ... tháng ... năm ...

- Với lý do: ... (5) ...

Điều 2. Các nội dung khác và những yêu cầu đối với chủ đầu tư, đơn vị thi công công trình giữ nguyên như Giấy phép số ngày tháng ... năm

Điều 3. Hiệu lực của quyết định

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

- Như Điều ;

-

- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn ghi trong Quyết định gia hạn giấy phép

- (1) Tên cơ quan cấp trên của cơ quan có thẩm quyền quyết định gia hạn giấy phép (nếu có).*
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định gia hạn giấy phép.*
- (3) Ghi lý trình, tên tuyến đường sắt.*
- (4) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép.*
- (5) Ghi lý do gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang.*

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (gọi tắt là cơ quan nhà nước có thẩm quyền), cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị) đối với cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- + Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cổng dịch vụ công quốc gia trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- + Trường hợp nhận được hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác: cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến hoặc nộp qua hệ thống bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định.

- (2) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực các giấy tờ của phương tiện bao gồm:

Hợp đồng mua bán, cho, tặng; chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có); quyết định điều chuyển phương tiện; hóa đơn của tổ chức, cá nhân bán phương tiện (nếu phương tiện đã chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện chỉ cần hóa đơn của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng); Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do tổ chức đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ủy quyền cấp còn hiệu lực. Đối với các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng dịch thuật kèm theo.

(3) Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, cho, tặng phương tiện, hóa đơn, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp bảng kê khai cho từng phương tiện đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

(4) Đối với phương tiện nhập khẩu, ngoài các giấy tờ theo quy định nội dung (2) thì cần phải có thêm bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực tờ khai hải quan dùng cho phương tiện nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan đã được thông quan.

(5) Trường hợp phương tiện không có hợp đồng mua bán, hóa đơn riêng (do việc mua bán các phương tiện chỉ là hợp phần của gói thầu và không thể tách rời) thì phải có bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực hợp đồng gói thầu hoặc hợp phần của gói thầu có thể hiện việc cung cấp phương tiện, biên bản bàn giao phương tiện cho chủ sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu phương tiện giao thông đường sắt.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường sắt Việt Nam đối với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị) đối với cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên

dùng, đường sắt đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

4.8. Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký: 120.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt năm 2017.

- Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

4.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

4.12.1. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

... .., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)

Kính gửi¹:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị².....xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC)	

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.

2.

.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

¹ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

² Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng - số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC);

- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục - số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC).

4.12.2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc-----
Số: .../...GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT.....¹

Loại phương tiện:

Số đăng ký :

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Số hiệu:

Nước sản xuất:

Nhà sản xuất (nếu có)

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT&BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/Tải trọng trục (tấn) - số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ HP/KW	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC) mm	

..... ngày..... tháng.. ..năm.....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

¹ Trường hợp cấp lại ghi rõ Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2...**Ghi chú:**

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng - số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC);
- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục - số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC).

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (gọi tắt là cơ quan nhà nước có thẩm quyền), cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị) đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ qua bộ phận một cửa hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến; 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo các hình thức khác, cơ quan cấp giấy phép lái tàu có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp chuyển quyền sở hữu; phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hư hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định. Trường hợp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, nếu chủ sở hữu đã nộp bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cổng dịch vụ công quốc gia thì có trách nhiệm nộp lại bản gốc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp không cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản trả lời cho chủ sở hữu phương tiện và nêu rõ lý do.

- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp bị mất. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định. Thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến hoặc nộp qua hệ thống bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp chuyển quyền sở hữu

Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

(1) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;

(2) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng cho, tặng, mua bán, hóa đơn mua bán phương tiện, chứng từ đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có), quyết định điều chuyển phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu chủ sở hữu đổi tên), biên bản bàn giao tài sản kèm theo danh mục phương tiện;

(3) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

b) Trường hợp phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu, hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

(1) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định; bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp;

(2) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực;

c) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất hoặc hư hỏng, hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

(1) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của chủ sở hữu theo mẫu quy định;

(2) Bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp (trường hợp bị hư hỏng);

(3) Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trường hợp chuyển quyền sở hữu, phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật

chủ yếu, Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng theo quy định. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Chủ sở hữu phương tiện đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

b) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này. Thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Chủ sở hữu có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu phương tiện giao thông đường sắt.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường sắt Việt Nam đối với đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị) đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2...).

5.8. Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 120.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

5.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu).

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp bị mất, hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện).

- Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2...).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt năm 2017.
- Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.
- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

5.12. Mẫu đơn và kết quả của thủ tục hành chính:

5.12.1. Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện đã chuyển quyền sở hữu hoặc thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu)

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

... .., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Dùng cho phương tiện đã chuyển quyền sở hữu hoặc thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu)

Kính gửi⁴:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị⁵..... xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxH)	

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện⁶:

.....

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.
2.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

⁴ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁵ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁶ Nêu rõ lý do xin cấp lại: Mua lại (hoặc Điều chuyển) từ tổ chức hoặc cá nhân nào theo Quyết định điều chuyển số hoặc hợp đồng cho, tặng, mua bán...; đã chuyển quyền sở hữu, thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu...

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng - số chỗ, loại giá chuyển hướng, kích thước giới hạn của phương tiện(DxRxC);
- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục - số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ; kích thước giới hạn của phương tiện(DxRxC).

5.12.2. Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (Dùng cho phương tiện bị mất bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện)

TÊN CHỦ SỞ HỮU
PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

... .., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT
(Dùng cho phương tiện bị mất bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện)

Kính gửi⁷:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị⁸.....xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày thángnăm.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện⁹:

.....
.....
.....

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.

2.

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

⁷ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁸ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁹ Nêu rõ lý do xin cấp lại: Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện phải nêu rõ thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mất; trường hợp hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện phải nêu rõ tình trạng hư hỏng;

5.12.3. Mẫu Giấy xác nhận đã khai báo mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ KHAI BÁO MẤT GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

....¹³ xác nhận:

....¹⁴ đã có Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, số: ... ngày ... tháng năm đối với phương tiện:

Loại phương tiện:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ chủ sở hữu phương tiện:

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất):

Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: do cấp ngày tháng năm

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện số do cấp ngày tháng năm

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khô đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/tải trọng trục (tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC)	

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện¹⁵:

.....
.....

Giấy xác nhận này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và có hiệu lực trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký.

... .., ngày ... tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

¹³ Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

¹⁴ Tên chủ sở hữu phương tiện;

¹⁵ *Nêu rõ lý do xin cấp lại: Bị mất Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh mất;*

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng - số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC);

- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục - số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC).

5.12.4. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

TÊN CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

.....¹

Loại phương tiện:

Số đăng ký :

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Số hiệu: Nước sản xuất:

Nhà sản xuất (nếu có) Năm sản xuất:

Số Giấy chứng nhận ATKT&BVMT: do cấp ngày thángnăm.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khổ đường (mm)	
Tự trọng/trọng lượng chính bị (tấn)	
Tải trọng/Tải trọng trục (tấn) - số chỗ	
Kiểu truyền động	
Kiểu loại động cơ	
Công suất động cơ HP/KW	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước giới hạn của phương tiện: (DxRxC) mm	

..... ngày..... tháng..năm.....

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

¹ Trường hợp cấp lại ghi rõ Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2...

Ghi chú:

- Đối với toa xe: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, tự trọng, tải trọng - số chỗ, loại giá chuyển hướng và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC);

- Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng: Trong bảng thông số kỹ thuật in các thông số khổ đường, trọng lượng chính bị, tải trọng trục - số chỗ, kiểu truyền động, kiểu loại động cơ, công suất động cơ và kích thước giới hạn của phương tiện (DxRxC).

6. Thủ tục thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua hệ thống bưu chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (gọi tắt là cơ quan nhà nước có thẩm quyền), cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị) đối với thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ qua bộ phận một cửa hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến; 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo các hình thức khác, cơ quan cấp giấy phép lái tàu có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu về việc thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Trường hợp chủ phương tiện đã nộp bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cổng dịch vụ công quốc gia thì có trách nhiệm nộp lại bản gốc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến hoặc nộp qua hệ thống bưu chính.

6.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy;

- (2) Bản gốc hoặc bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu phương tiện giao thông đường sắt.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị tổ chức cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện trên đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.**6.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:**

Đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đường sắt năm 2017.

- Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

6.12. Mẫu đơn Đề nghị thu hồi, xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt

TÊN CHỦ SỞ HỮU PHƯƠNG TIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

... .., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI, XÓA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT (Dùng cho phương tiện đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký)

Kính gửi¹:

Tên chủ sở hữu phương tiện:

Địa chỉ:

Kính đề nghị²..... xét thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho phương tiện sau:

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng):.....

Số hiệu:

Xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất nếu có):

Năm sản xuất:

Số đăng ký phương tiện đã được cấp:.....

Tại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện sốdo cấp ngày thángnăm.....

Lý do thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện³:

.....

.....

Giấy tờ kèm theo gồm:

1.

2.

...

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Chủ sở hữu phương tiện
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

¹Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

²Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

³ Nêu rõ lý do xin thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

7. Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối, cụ thể:

- Bộ Xây dựng đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:

- + Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

- + Các tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận chủ trương kết nối. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

7.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối theo mẫu quy định;

- (2) Quy hoạch xây dựng tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng đề nghị kết nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- (3) Bình đồ khu vực kết nối;

- (4) Bình diện, trắc dọc đường sắt khu vực kết nối;

- (5) Phương án kỹ thuật kết nối: đường sắt; hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt tại khu vực kết nối; trung tâm Điều hành giao thông vận tải; đầu nối không gian và đầu nối kỹ thuật với các công trình liên quan tại vị trí kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng thuộc Bộ Xây dựng; Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh uỷ quyền hoặc phân cấp (nếu có).

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận chủ trương kết nối.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.**7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt.
- Văn bản chấp thuận chủ trương kết nối.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đường sắt 2017.
- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.
- Thông tư số 11/2023/TT-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.
- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

7.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

7.12.1. Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

(..1..) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(..2..) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(3)....., ngày tháng năm 20...
V/v(4).....

Kính gửi:(5)....

(.....2.....) đại diện bởi:..... ; chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

- Căn cứ quy hoạch (*nêu tên quy hoạch*) được (*nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch*) tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ chủ trương nghiên cứu dự án.....

Sau khi nghiên cứu Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.(2).....đề nghị...(5)...chấp thuận chủ trương kết nối tuyến đường sắt(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)....., thời hạn Mục đích để.....

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố)

2. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (7).....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
 - Bình diện đường sắt khu vực kết nối
 - Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối
 - Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
 - Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử-văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... *(yêu cầu liệt kê rõ)*.
 - Các nội dung khác
4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*
5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....
6. Thời gian thi công kết nối dự kiến
7. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:.....
8. Phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ:
- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.
 - Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.
9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi kết nối.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

...(2)...

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối (nếu có).
- (2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.
- (5): Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.
- (6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

7.12.2. Mẫu văn bản chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(1)....

Số:/.....
 V/v(3)....

.....(2)....., ngày tháng năm

Kính gửi: ...(4)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ;
- Sau khi xem xét hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối số/..... ngày ... tháng năm của ...(4)...., về việc kết nối tuyến đường sắt ...(5).... với tuyến đường sắt ...(6)....;
- ...(1)..... chấp thuận chủ trương kết nối tuyến đường sắt.....(5)..... với tuyến đường sắt ..(6)...., với những nội dung chủ yếu sau:
- 1. Địa điểm vị trí kết nối : thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố)
- 2. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (6)....:
- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;
- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;
- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;
- 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:
- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối... (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).
- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....
- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....
- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Bình diện đường sắt khu vực kết nối
- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối
- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử-văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).
- Các nội dung khác

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối.....
5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....
6. Thời gian thi công kết nối dự kiến
7. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:.....
8. Phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ:
 - Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.
 - Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.
9. Các vấn đề khác

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.
- (2): Địa danh.
- (3): Trích yếu nội dung văn bản.
- (4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.
- (5): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (6): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

8. Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép kết nối lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:
 - + Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;
 - + Các tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung hồ sơ và trả kết quả trong ngày làm việc;
- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;
- Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kết nối. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng.

8.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối của chủ đầu tư theo mẫu;
- (2) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) các tài liệu sau:
 - Quyết định đầu tư dự án có các tuyến đường sắt đề xuất kết nối;
 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình kèm theo Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật;
 - Phương án tổ chức thi công kết nối các công trình và biện pháp bảo đảm an toàn thi công;
 - Phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sau khi kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kết nối.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt Việt Nam 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

- Thông tư số 11/2023/TT-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

8.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

8.12.1. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(..1..)

(..2..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

.....(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...

V/v....(4)....

Kính gửi:....(5)....

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ văn bản số..... của.....(5)..... chấp thuận chủ trương kết nối.....

- Căn cứ Quyết định đầu tư (ghi rõ số quyết định đầu tư dự án liên quan đến hạng mục cần đề nghị cấp giấy phép kết nối);

- Căn cứ Quyết định phê duyệt thiết kế (nêu rõ số quyết định phê duyệt thiết kế, cơ quan phê duyệt, bước thiết kế);

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....

..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

I.(2)..... đề nghị.....(5)..... cấp giấy phép kết nối tuyến đường sắt.....(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)....., với các nội dung như sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(7)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).
- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....
- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....
- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Bình diện đường sắt khu vực kết nối.....
- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối.....
- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử - văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).
- Các nội dung khác.....

4. Cam kết về kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình đường sắt tại vị trí kết nối (*ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác*)

5. Phương án vận tải: (*Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; từ đường sắt đô thị vào đường sắt đô thị và ngược lại; phương án dồn dịch toa xe...*).

6. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....:

7. Thời gian thi công kết nối:....

8. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:....

9. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.
- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

II.(2)..... cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép kết nối.
- Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối.

- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công; quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ công trình, thiết bị kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với kết nối có thời hạn).

Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này./.

(Kèm theo Đơn này là... bộ hồ sơ thiết kế.... (mã hiệu, ký hiệu hồ sơ) đã được cấp thẩm quyền... phê duyệt)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối theo quy định.

(6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

8.12.2. Mẫu giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP**Kết nối tuyến đường sắt ...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...**

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ văn bản số của(6)... chấp thuận chủ trương kết nối
- Căn cứ Quyết định đầu tư....;
- Căn cứ Quyết định phê duyệt thiết kế....;
- Xét Đơn đề nghị số/..... ngày ... tháng năm của(1)...., về việc kết nối tuyến đường sắt(4).... với tuyến đường sắt ..(5).. ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Tổ chức (cá nhân) được phép kết nối:(7).....

- Địa chỉ: số nhà:..... đường..... phường (xã)..... tỉnh, thành phố:.....

Điều 2. Nội dung kết nối:

1. Mục đích của việc kết nối: *(Nêu rõ Mục đích của việc kết nối tuyến đường sắt ... vào tuyến đường sắt.....).*

2. Địa điểm vị trí kết nối thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố)

3. Vị trí kết nối: Tại ga...km trên tuyến đường sắt .. (5)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;
- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;
- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối... *(yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng).*
- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....
- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử-văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... *(yêu cầu liệt kê rõ)*.

- Các nội dung khác

5. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*

6. Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; từ đường sắt đô thị vào đường sắt đô thị và ngược lại; phương án dồn dịch toa xe...)*.

7. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....:

8. Thời gian thi công kết nối:....

9. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:....

10. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức (cá nhân) được phép kết nối

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép kết nối này.

2. Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối.

3. Mang Giấy phép này đến..... *(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này)* để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

4. Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công; quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối trong quá trình khai thác, sử dụng. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; chịu mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có), ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Mời đại diện ... *(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này)* tham gia khi tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Bàn giao lại mặt bằng, hiện trường và nộp hồ sơ hoàn công cho*(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này)*.

6. Bảo trì, duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình trong suốt quá trình khai thác, sử dụng; có biện pháp gia cố kịp thời bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình có hư hỏng.

7. Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ công trình, thiết bị kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với kết nối có thời hạn).

8. Thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối theo quy định của Thông tư.

9. Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này.

Điều 4. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn ngày, kể từ ngày ký./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

(6): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối theo quy định.

(7): Tên tổ chức (cá nhân) được cấp giấy phép kết nối.

9. Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đã được cấp giấy phép kết nối có nhu cầu gia hạn giấy phép, bãi bỏ kết nối phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối hoặc đề nghị bãi bỏ kết nối, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng đến cơ quan có thẩm quyền:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với:

- + Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

- + Các tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung hồ sơ và trả kết quả trong ngày làm việc;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường mạng, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ;

- Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kết nối. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do;

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trên môi trường mạng.

9.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thi công kết nối gồm:

- (1) Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu;

- (2) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) các tài liệu: Văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian thi công kết nối theo giấy phép được cấp và tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối gồm:

- (1) Đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu;

(2) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) tài liệu: Văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian khai thác, sử dụng kết nối theo giấy phép được cấp;

- Hồ sơ đề nghị bãi bỏ kết nối gồm:

(1) Đơn đề nghị bãi bỏ kết nối của tổ chức, cá nhân theo mẫu;

(2) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (đối với thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng) tài liệu: Phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ kết nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định về việc gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt.

- Quyết định bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kết nối;

- Đơn đề nghị bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt.

- Quyết định về việc gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt.

- Quyết định bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Mỗi giấy phép chỉ được gia hạn một lần.
- Thời gian gia hạn thi công kết nối không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Thời gian gia hạn khai thác, sử dụng kết nối không quá 12 tháng đồng thời không nhiều hơn thời gian được phép khai thác, sử dụng kết nối quy định trong giấy phép được cấp.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đường sắt 2017.
- Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.
- Thông tư số 11/2023/TT-BGTVT ngày 28/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.
- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

9.12. Mẫu đơn và mẫu kết quả của thủ tục hành chính:

9.12.1. Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(..1..)

(..2..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

.....(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...

V/v....(4)....

Kính gửi:...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của...(5)... về việc kết nối tuyến đường sắt....(6).... với tuyến đường sắt...(7)..;
- (.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....
- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã)..... tỉnh, thành phố:.....
- Số điện thoại:.....
- ...(2).... đề nghị...(5)... cho phép được gia hạn.... (*nêu rõ gia hạn thời gian thi công kết nối hoặc thời gian khai thác sử dụng tuyến đường sắt kết nối*), với các nội dung sau:
 1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố).....
 2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(7)....
 3. Lý do đề nghị gia hạn:.....
 4. Thời gian đề nghị gia hạn đến ngày.... tháng.... năm.....
 5. Cam kết của tổ chức, cá nhân.... xin gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt:
 - Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép đã được cấp và Quyết định gia hạn kết nối.
 - Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này.
- 6. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép kết nối (nếu có).
- (2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.
- (5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối theo quy định.
- (6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

9.12.2. Mẫu đơn đề nghị bãi bỏ vị trí kết nối các tuyến đường sắt

(..1..)

(..2..)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

.....(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...

V/v.....(4).....

Kính gửi:...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ quy hoạch bãi bỏ kết nối.... (nêu tên quy hoạch) được (nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch) tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của...(5).. về việc kết nối tuyến đường sắt....(6).... với đường sắt...(7).....;

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....
tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

...(2).... đề nghị.... (5)... cho phép được bãi bỏ vị trí kết nối với các nội dung sau:

1. Tên tuyến đường sắt đề nghị bãi bỏ kết nối:.....

2. Địa điểm vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: thuộc địa bàn xã (phường), tỉnh (thành phố).....

3. Vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(6)....:

4. Lý do đề nghị bãi bỏ:.....

5. Phương án hoàn trả mặt bằng tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ (Nêu rõ phương án, kinh phí hoàn trả mặt bằng công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối).

6. Phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí kết nối (Nêu rõ phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối).

7. Phương án bàn giao mặt bằng sau khi bãi bỏ kết nối (nêu rõ thời gian bắt đầu và kết thúc tháo dỡ kết nối; thời gian bàn giao mặt bằng sau khi tháo dỡ; đơn vị bàn giao, tiếp nhận mặt bằng trước và sau khi tháo dỡ)

8. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

- Quản lý, sử dụng vật tư thu hồi sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

10. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị bãi bỏ kết nối (nếu có).
- (2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị bãi bỏ kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.
- (5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối theo quy định.
- (6): Tên tuyến đường sắt đang được kết nối với đường sắt quốc gia hoặc đường sắt đô thị đề nghị bãi bỏ.
- (7) Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị đang có kết nối.

9.12.3. Mẫu quyết định gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn giấy phép kết nối tuyến đường sắt ...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng ... năm của(2).... về việc kết nối tuyến đường sắt(4).... với tuyến đường sắt...(5)....;
- Xét Đơn đề nghị số/..... ngày ... tháng năm của(6)...., về việc gia hạn kết nối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn (*ghi rõ gia hạn thời gian thi công kết nối hoặc thời gian khai thác, sử dụng tuyến đường sắt kết nối*) giấy phép kết nối tuyến đường sắt ...(4) ... với tuyến đường sắt ...(5)....của(2).....cấp cho(6)....

Điều 2. Các nội dung khác, những yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép và chủ quản lý sử dụng công trình giữ nguyên như Giấy phép kết nối số..... ngày tháng năm.....

Điều 3. Thời gian gia hạn kết nối:

Quyết định gia hạn này có thời hạn từ ngày//20....đến hết ngày/..../20.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).
- (2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.
- (6): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép kết nối.

9.12.4. Mẫu quyết định bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....(3)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ kết nối tuyến đường sắt ...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;
- Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;
- Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng ... năm của(2)... về việc kết nối tuyến đường sắt ...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...
- Xét Đơn đề nghị số/..... ngày ... tháng năm của(6)..., về việc bãi bỏ kết nối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ kết nối tuyến đường sắt ...(4)... với tuyến đường sắt...(5)... từ giờ ngày thángnăm

Điều 2. Những yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân bãi bỏ kết nối:

- Chịu trách nhiệm tháo dỡ công trình và chịu mọi chi phí tháo dỡ, phục hồi lại trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt ban đầu.
- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt và bảo vệ môi trường trong quá trình tháo dỡ.
- Bàn giao lại mặt bằng cho(7)..... sau khi tháo dỡ kết nối.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan thực hiện

Điều 4.....(6)..... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).
- (2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.
- (3): Địa danh.
- (4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng đang kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.
- (5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị đang được kết nối vào.
- (6): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị bãi bỏ kết nối.
- (7): Tên tổ chức, cá nhân (Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị)